

Bản án số: 56/2026/HS-PT

Ngày: 20 - 7 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Doanh

Bà Lý Thị Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Văn Chiến – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đức Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2026 tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm, thụ lý số 56/2026/TLPT-HS ngày 28 tháng 4 năm 2026, do có kháng cáo của bị cáo Phạm Minh T6 đối với bản án hình sự sơ thẩm số 36/2026/HSST ngày 25/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Thái Nguyên. Bị cáo có kháng cáo:

Phạm Minh T6; tên gọi khác: Không; sinh năm 1981; ĐKKHKT: Xóm V, xã P, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 04/12; Nghề nghiệp: Tự do; Con ông: Phạm Văn L (đã chết); Con bà: Trương Thị C, sinh năm 1948; Vợ, con: Chưa có. Tiền sự: Không.

- Tiền án:

+ Tại bản án số 72 ngày 12/5/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xử phạt Phạm Minh T6 06 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, quy định tại khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999, T6 chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/10/2010, đến nay chưa bồi thường dân sự cho đại diện của bị hại, chưa được xóa án tích.

+ Tại bản án số 07 ngày 19/12/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xử phạt Phạm Minh T6 11 năm tù về tội “Giết người”, quy định tại điểm p khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999, T6 chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/01/2022, chưa chấp hành xong phần bồi thường dân sự, chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/6/2025 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an tỉnh T. (có mặt)

Đại diện hợp pháp của bị cáo:

Bà Phạm Thị L1, sinh năm 1979. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Xóm Đ, xã P, tỉnh Thái Nguyên.

Bị hại:

1. Ông Hoàng Xuân T, sinh năm 1963. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Xóm Đ, xã P, tỉnh Thái Nguyên.

2. Ông Nguyễn Xuân K, sinh năm 1960. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Xóm V, xã P, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 4 năm 2025 đến tháng 6 năm 2025 Phạm Minh T6 đã thực hiện hành vi phạm tội tại địa phương nơi T6 cư trú, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Năm 2024, ông Hoàng Xuân T, sinh năm 1963, trú tại xóm Đ, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (nay là xóm Đ, xã P, tỉnh Thái Nguyên) thuê thửa đất số 140, tờ bản đồ số 59, diện tích 676m², loại đất chuyên trồng lúa tại xóm Đ, xã P của bà Phạm Thị L1, sinh năm: 1969 ở cùng xóm, thửa đất đã có “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất” mang tên bà L1, để ông T trồng lúa với thỏa thuận mỗi năm ông T trả cho bà L1 150kg thóc. Vào khoảng tháng 02/2025, ông T đã trồng cấy và chăm sóc loại lúa J02 trên ruộng lúa trên.

Sáng ngày 16/4/2025, ông T đi làm cỏ lúa tại cánh đồng thuộc xóm Đ, xã P đến khoảng 09 giờ 00 phút cùng ngày, ông T đi về thì gặp T6 đang khoác một chiếc bình phun thuốc màu vàng đứng trên bờ ruộng lúa ông T thuê của bà L1 (T6 đang tranh chấp diện tích đất lúa ông T thuê của bà L1 vì T6 cho rằng diện tích đất lúa đó là của bố nuôi của T6). T6 nói với ông T: «Tôi không được ăn thì đập đổ, tôi phun thuốc cho chết hết». Ông T can ngăn, T6 tiếp tục nói: “Đừng để tôi khoác bình phun sang lần nữa” rồi T6 bỏ đi. Sau đó, ông T đã gọi điện thoại trình báo sự việc với ông Trần Văn T1, sinh năm 1964 là T2 xóm và anh Vũ Văn B, sinh năm 1982 là Tổ trưởng Tổ an ninh trật tự của xóm Đ, xã P biết. Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 17/4/2025, anh Hoàng Cao T3, sinh năm 1983, trú tại xóm Đ, xã P (là con trai ông T) đi thăm bãi chè của anh T3 ở gần ruộng lúa ông T thuê của bà L1 thì nhìn thấy T6 đang khoác một chiếc bình phun thuốc màu vàng phun thuốc vào ruộng lúa của ông T thuê của bà L1. Thấy vậy, anh T3 đã đi đến can ngăn nhưng T6 không nghe mà vẫn tiếp tục phun thuốc nên anh T3 đã thông báo cho ông T biết. Ông T đã gọi điện thoại trình báo sự việc với ông Trần Văn T1 và anh Vũ Văn B, ông T1 và anh B đi đến nhà ông T. Trên đường đi đến nhà ông T thì ông T1 và anh B nhìn thấy T6 đang phun thuốc trên ruộng lúa của ông T thuê của bà L1 nhưng khi ông T1 và anh B đến nơi thì T6 bỏ đi, ông T1 yêu cầu T6 ở lại để giải quyết nhưng T6 không hợp tác. Buổi chiều cùng ngày, ông T đến thửa ruộng để kiểm tra thì thấy toàn bộ ruộng lúa đã bị héo, ngả màu vàng nên ông T đã trình báo sự việc đến Công an xã P (nay là Công an xã P, tỉnh Thái Nguyên), đề nghị giải quyết. Công an xã P đã lập biên bản sự việc và thu giữ mẫu cây lúa,

mẫu nước tại thửa ruộng của ông T thuê của bà L1 (các mẫu cây lúa niêm phong trong các phong bì ký hiệu L1, L2, L3; mẫu nước ruộng được niêm phong trong chai nhựa ký hiệu N1). Xác định vụ việc có dấu hiệu tội phạm nên Công an xã P đã chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T để giải quyết theo thẩm quyền. Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh T đã yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Thái Nguyên xác định giá trị thiệt hại của ruộng lúa nêu trên và T7 Bộ C1, giám định độc chất đối với mẫu vật là cây lúa và mẫu nước thu tại thửa ruộng của ông T niêm phong trong các bì giấy ký hiệu L1, L2, L3 và N1. Tại bản Kết luận giám định số 3474/KL-KTHS ngày 13/5/2025 của V - Bộ C1, kết luận: Các mẫu cây lúa (ký hiệu L1, L2, L3) và mẫu nước (ký hiệu N1) gửi giám định đều tìm thấy G. Glufosinate là thuốc trừ cỏ không chọn lọc, khi tiếp xúc trực tiếp có thể làm chết cây trồng (lúa).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 3285/KL-HĐĐGTS ngày 07/6/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Thái Nguyên, kết luận: Giá trị thiệt hại của số cây lúa loại J02 trồng trên thửa đất diện tích 676m² nêu trên tại thời điểm tháng 04/2025 là 5.356.708 đồng.

Vụ thứ hai: Chiều ngày 22/6/2025, chị Lăng Thị Ánh T4, sinh năm 1986, trú tại xóm V, xã P đến nhà ông Nguyễn Xuân K (là bố nuôi của chị T4) để chơi và nhờ ông K phát cỏ giúp chị T4 quanh khu vực nhà chị T5 đang ở, ông K đồng ý.

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 23/6/2025, ông K mang theo 01 máy phát cỏ đến nhà chị T4 rồi phát cỏ xung quanh nhà. Khoảng 09 giờ 10 phút cùng ngày, khi ông K đang phát cỏ thì Phạm Minh T6 (là hàng xóm ở cạnh nhà của chị T4) đi từ nhà T6 đến bất ngờ dùng tay phải đâm một phát vào má phải của ông K làm ông K bị ngã ra đất. Bị đánh, ông K đứng dậy cãi chửi nhau với T6 thì T6 nói ông K phát cây trên đất của nhà T6 sau đó T6 đi về nhà lấy 01 con dao quắm dài khoảng 60cm, chuôi bằng gỗ, màu vàng nhạt, lưỡi bằng kim loại chạy đến chỗ ông K. Thấy T6 cầm dao nên ông K bỏ chạy về phía nhà chị T4 thì T6 đuổi theo ông K đến cửa cổng thì đuổi kịp. T6 dùng chân phải đạp 01 nhát vào bụng, dùng phần sống dao quắm chém liên tiếp 02 nhát trúng khuỷu tay trái và hông trái của ông K rồi T6 cầm theo dao quắm bỏ chạy về nhà T6. Khi T6 dùng dao đánh ông K thì chị T4, cháu Đỗ Ngọc H, sinh năm 2012 (là con gái chị T4) có mặt ở nhà được chứng kiến sự việc và camera an ninh nhà chị T4 đã ghi lại nội dung sự việc. Sau khi bị T6 đánh, ông K bị thương đã đến Trạm y tế xã P sơ cứu và đến Công an xã P trình báo sự việc.

Hậu quả: Ông Nguyễn Xuân K bị 01 vết thương rách da, chảy máu, bờ mép nhám nhờ, kích thước (4x0,5)cm tại vị trí khuỷu tay trái; 01 vết thương sưng nề, bầm tím, kích thước (15x7)cm tại hông trái. Ông K làm đơn đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Phạm Minh T6. Tiến hành khám xét nơi ở của T6, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đã thu giữ 01 con dao quắm, niêm phong vào hộp giấy ký hiệu “D”; 01 bình bơm điện ắc quy (thường gọi là bình phun thuốc), vỏ màu vàng, trên vỏ có ghi chữ LD – VIỆT NHẬT; 02 chai nhựa có vỏ màu xanh, nắp đậy kín màu xanh, thân hình

hộp chữ nhật, trên thân chai có dán giấy ghi dòng chữ ký tự “Thuốc trừ cỏ SINASIN 200SL hoạt chất Glufosinate 200g/l”, loại KANUP 480SL, trong đó có 01 chai chưa sử dụng, 01 chai đã mở nắp bên trong chứa chất lỏng, niêm phong 02 chai vào phong bì ký hiệu “TTC”.

Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 384/KLTTCT-TTPY ngày 26/6/2025 của Trung tâm Pháp y tỉnh T kết luận ông Nguyễn Xuân K: Vùng thất lưng hông bên trái có diện tích bầm tím KT dài 28cm x rộng 19cm; Mặt sau 1/3 trên cẳng tay trái có 01 vết thương đang liền sẹo còn chỉ khâu KT dài 3,5cm x rộng 0,2cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể của ông Nguyễn Xuân K tại thời điểm giám định là 01%. Cơ chế hình thành vết thương do tác động của vật cứng có cạnh.

Tại Bản kết luận giám định số 5320/KL-KTHS ngày 23/7/2025 của V Bộ C1, kết luận: Mẫu chất lỏng trong 02 chai nhựa màu xanh và trong bình vỏ màu vàng gửi giám định đều có tìm thấy G. Glufosinate là thuốc trừ cỏ không chọn lọc, khi tiếp xúc trực tiếp có thể làm chết cây trồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T, tiến hành trung cầu giám định Phân viện Pháp y tâm thần khu vực Bắc miền T giám định tình trạng tâm thần của Phạm Minh T6.

Tại bản Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trung cầu số 117 ngày 03/12/2025 của Phân viện Pháp y tâm thần Bắc miền T – V1 kết luận về khả năng nhận thức, điều khiển hành vi của Phạm Minh T6 như sau:

Tại các thời điểm trước, trong, sau khi thực hiện hành vi phạm tội (ngày 17/4/2025, ngày 23/6/2025) và tại thời điểm giám định, bị can Phạm Minh T6 bị bệnh: Rối loạn loại phân liệt; theo Phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 (ICD 10), có mã bệnh là F21, (Bệnh ở giai đoạn thuyên giảm).

- Tại các thời điểm trên, bị can Phạm Minh T6 đủ khả năng nhận thức, nhưng hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

Tại kết luận giám định số 443/ KL - KTHS ngày 25 tháng 02 năm 2026 Phòng K1 - Công an tỉnh T kết luận: Mẫu vật trong niêm phong ký hiệu D gửi giám định không phải là dao có tính sát thương cao.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Phạm Minh T6 khai nhận phun thuốc diệt cỏ xuống thửa ruộng của ông T vào ngày 17/4/2025 và dùng dao quắm đánh phần lưng dao (sóng dao) vào người ông K vào ngày 23/6/2025 như nêu trên nhưng T6 cho rằng diện tích lúa của ông T là của bố nuôi T6 và T6 dùng dao đánh ông K nhưng T6 đánh nhẹ nên không phạm tội.

Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản sự việc; Biên bản kiểm tra, xác định nơi xảy ra vụ việc; Biên bản khám xét; dữ liệu điện tử; vật chứng thu giữ, Kết luận giám định thuốc trừ cỏ; kết luận định giá tài sản; kết luận giám định thương tích; kết luận giám định tâm thần; lời khai của bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can Phạm Minh Tuấn cùng các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ khẳng định:

Ngày 17/4/2025, Phạm Minh T6 đã có hành vi phun thuốc diệt cỏ xuống ruộng lúa gây thiệt hại về tài sản cho ông Hoàng Xuân T là 5.356.708 đồng. Ngày 23/6/2025, T6 đã có hành vi dùng dao quắm đánh gây thương tích cho ông Nguyễn Xuân K với tỷ lệ là 1%. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đã khởi tố vụ án, bị can đối với T6 là có căn cứ.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 36/2026/HS-ST ngày 25/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Thái Nguyên đã xét xử bị cáo Phạm Minh T6 về tội: “Cố ý gây thương tích” và tội “Hủy hoại tài sản”.

1. Về hình phạt:

Căn cứ: Điểm d khoản 2 Điều 134; điểm g khoản 2 Điều 178 ; điểm q, s khoản 1 Điều 51, Điều 38; Điều 55 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Minh T6 03 năm tù về tội Cố ý gây thương tích; xử phạt bị cáo 03 năm tù về tội Hủy hoại tài sản; tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là 06 năm tù.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng; lãi suất chậm trả, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Ngày 26/3/2026, bị cáo Phạm Minh T6 có đơn kháng cáo, đề nghị xem xét lại hành vi của bị cáo đối với cả 02 tội danh đã bị xét xử.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đề nghị xem xét lại toàn bộ vụ án để bị cáo không bị xét xử oan.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên:

Về tội bị hủy hoại tài sản: Bị cáo cho rằng mình chỉ phun thuốc diệt cỏ vào ruộng lúa của bị cáo có diện tích 111m², nhưng bản án quy kết bị cáo phun thuốc diệt cỏ vào thửa ruộng có diện tích hơn 600m² là không đúng.

Căn cứ Biên bản sự việc lập hồi 17 giờ 20 phút, ngày 17/4/2025; Biên bản kiểm tra, xác định nơi xảy ra vụ việc lập hồi 17 giờ 40 phút ngày 17/4/2025 tại xóm Đ, xã P, xác định tại thửa đất số 140, tờ bản đồ số 59, diện tích 676m² mang tên bà Phạm Thị L1, qua kiểm tra xác định thửa đất đang trồng lúa, có chiều cao cây lúa trung bình khoảng 40cm, có ngập nước, các cây lúa có dấu hiệu ngả màu vàng, héo, úa rải rác.

Bà Phạm Thị L1 trình bày: Tôi xác định đám ruộng lúa bị anh Phạm Minh T6 phun thuốc có Giấy chứng nhận QSDĐ mang tên tôi, có diện tích 676m². Tôi đã cho gia đình ông T thuê đám ruộng để trồng lúa..., toàn bộ cây lúa bị phun thuốc thuộc sở hữu của ông T.

Như vậy, việc bị cáo phun thuốc diệt cỏ vào ruộng lúa do gia đình ông T trồng có diện tích là 676m², gây thiệt hại cho ông T. Tòa án cấp phúc thẩm xác định giá trị thiệt hại của số cây lúa loại J02 trồng trên thửa đất diện tích 676m² là 5.356.708 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội Hủy hoại tài sản theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 178 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, vì vậy không chấp nhận nội dung kháng cáo này của bị cáo.

Về tội cố ý gây thương tích: Khoảng 9 giờ 10 phút, ngày 23/6/2025, tại xóm V, xã P, huyện Đ, bị cáo T6 đã có hành vi dùng dao, loại dao quắm (là hung khí nguy hiểm) đánh phần lưng dao vào người và tay ông Nguyễn Xuân K làm ông K bị tổn thương cơ thể 1%, ông K đã có đơn yêu cầu khởi tố đối với T6, do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào mới nên không có căn cứ xem xét nội dung kháng cáo của bị cáo. Mức án đã tuyên đối với bị cáo là có căn cứ, đúng quy định pháp luật, đủ tác dụng cải tạo giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo về hình phạt.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Minh T6.

Bị cáo đề nghị xem xét lại bản án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo là không đúng.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị thả tự do cho bị cáo tại phiên tòa vì không phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Phạm Minh T6 làm trong hạn luật định và đúng theo thủ tục quy định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo:

- Về tội bị hủy hoại tài sản: Bị cáo cho rằng mình chỉ phun thuốc diệt cỏ vào ruộng lúa của bị cáo có diện tích 111m², nhưng bản án quy kết bị cáo phun thuốc diệt cỏ vào thửa ruộng có diện tích hơn 600m² của ông T là không đúng.

Căn cứ Biên bản sự việc lập hồ 17 giờ 20 phút, ngày 17/4/2025; Biên bản kiểm tra, xác định nơi xảy ra vụ việc lập hồ 17 giờ 40 phút ngày 17/4/2025 tại xóm Đ, xã P, xác định tại thửa đất số 140, tờ bản đồ số 59, diện tích 676m² mang tên bà Phạm Thị L1, qua kiểm tra xác định thửa đất đang trồng lúa, có chiều cao cây lúa trung bình khoảng 40cm, có ngập nước, các cây lúa có dấu hiệu ngả màu vàng, héo, úa rải rác.

Bà Phạm Thị L1 trình bày (BL 58): Tôi xác định đám ruộng lúa bị anh Phạm Minh T6 phun thuốc có Giấy chứng nhận QSDĐ mang tên tôi, có diện tích 676m². Tôi đã cho gia đình ông T thuê đám ruộng đó để trồng lúa, toàn bộ cây lúa bị phun thuốc thuộc quyền sở hữu của ông T.

Như vậy, việc bị cáo phun thuốc diệt cỏ vào ruộng lúa do gia đình ông T trồng có diện tích là 676m², gây thiệt hại cho ông T. Tòa án cấp phúc thẩm xác định giá trị thiệt hại của số cây lúa loại J02 (theo kết luận định giá) trồng trên thửa đất diện tích 676m² là 5.356.708 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội

Hủy hoại tài sản theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 178 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, không oan.

- Về tội cố ý gây thương tích: Khoảng 9 giờ 10 phút, ngày 23/6/2025, tại xóm V, xã P, huyện Đ, bị cáo T6 đã có hành vi dùng dao, loại dao quắm (là hung khí nguy hiểm) đánh phần lưng dao vào người và tay ông Nguyễn Xuân K làm ông K bị tổn thương cơ thể 1%, ông K đã có đơn yêu cầu khởi tố đối với T6, do đó Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định, không oan.

Mức án đã tuyên đối với bị cáo là có căn cứ, đúng quy định pháp luật, đủ tác dụng cải tạo giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[3] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Minh T6, giữ nguyên bản án Hình sự sơ thẩm số 36/2026/HSST ngày 25/3/2026 của TAND khu vực 3 – Thái Nguyên.

1. Về Hình phạt: Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 134; điểm g khoản 2 Điều 178 ; điểm q, s khoản 1 Điều 51, Điều 38; Điều 55 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Minh T6 03 (ba) năm tù về tội Cố ý gây thương tích; 03 (ba) năm tù về tội Hủy hoại tài sản; tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là 06 (sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/6/2025.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật dân sự; Buộc bị cáo Phạm Minh T6 phải bồi thường cho ông Hoàng Xuân T số tiền 5.356.708 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị hại có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo chậm thi hành khoản tiền bồi thường thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357; Khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Toà án: Buộc bị cáo Phạm Minh T6 phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự phúc thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số 36/2026/HSST ngày 25/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Thái Nguyên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND Khu vực 3- Thái Nguyên;
- TAND Khu vực 3- Thái Nguyên;
- Bị cáo;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Minh Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐẶNG MINH TUÂN